

TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỚI CÔNG ƯỚC SINGAPORE VỀ HÒA GIẢI ĐỐI VỚI CÁC TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI XUYÊN BIÊN GIỚI

TRẦN THU HIỀN^{1*} - LÊ ĐÌNH QUYẾT^{1**}

¹Khoa Pháp luật quốc tế - Trường Đại học Luật Hà Nội

Faculty of International Law, Hanoi Law University

*Email: tranthuhienss@gmail.com

**Email: ledinhquyet308@gmail.com

Ngày nhận bài: 20/05/2026

Ngày sửa bài: 05/06/2026

Ngày duyệt đăng bài: 20/06/2026

Tóm tắt:

Sự phát triển của thương mại xuyên biên giới đặt ra yêu cầu hoàn thiện các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế hiệu quả, linh hoạt và bảo đảm khả năng thực thi. Trong bối cảnh đó, Công ước của Liên hợp quốc về Thỏa thuận quốc tế giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải (Công ước Singapore) tạo cơ chế thống nhất về công nhận và cho thi hành các thỏa thuận hòa giải thành xuyên biên giới. Bài viết phân tích bối cảnh ra đời, giá trị pháp lý của Công ước và thực trạng pháp luật về hòa giải thương mại tại Việt Nam; đồng thời đánh giá mức độ tương thích của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam với các chuẩn mực của Công ước, tập trung vào phạm vi áp dụng, yêu cầu về hình thức, thủ tục công nhận và các căn cứ từ chối thi hành. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực thể chế, nhằm chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc gia nhập và thực thi Công ước Singapore tại Việt Nam.

Từ khóa: hòa giải, Công ước Singapore, tính tương thích, pháp luật Việt Nam

Compatibility of Vietnamese law with the Singapore Convention on mediation in cross-border commercial disputes

Abstract:

The growth of cross-border trade calls for effective, flexible, and enforceable mechanisms for resolving international disputes. In this context, the United Nations Convention on International Settlement Agreements Resulting from Mediation (Singapore Convention on Mediation) establishes a uniform mechanism for recognizing and enforcing international mediated settlement agreements. This study examines the Convention's origins and legal significance, as well as the current framework for commercial mediation in Vietnam. It assesses the compatibility of Vietnamese civil procedure law with the Convention's standards, focusing on its scope of application, formal requirements, recognition procedures, and grounds for refusing enforcement. On this basis, the article proposes legal reforms and measures to strengthen institutional capacity in preparation for Vietnam's accession to and implementation of the Singapore Convention on Mediation.

Keywords: mediation, Singapore Convention on Mediation, legal compatibility, Vietnamese law

1. Đặt vấn đề

Lịch sử của pháp luật thương mại quốc tế đã chứng minh, sự ra đời của Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài là bộ phận vĩ đại nhất giúp trọng tài thương mại trở thành phương thức giải quyết tranh chấp thống trị toàn cầu (Tạ Đình Tuyên, 2019). Đối với phương thức hòa giải, một trong những rào cản lớn nhất trong nhiều thập kỷ qua chính là sự thiếu hụt một cơ chế pháp lý đa phương bảo đảm việc công nhận và cho thi hành trực tiếp kết quả hòa giải thành xuyên biên giới (Ngô Trọng Quân và Đỗ Thu Hương, 2023). Theo đó, thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thành (Mediated Settlement Agreement - MSA) về mặt bản chất pháp lý truyền thống chỉ được coi là một hợp đồng dân sự. Khi một bên vi phạm nghĩa vụ đã cam kết trong MSA, bên còn lại buộc phải khởi kiện ra Tòa án hoặc Trọng tài để lấy một bản án hoặc phán quyết mới, làm mất đi hoàn toàn ưu thế về mặt thời gian và chi phí của hòa giải.

Nhận thức được nhu cầu kiến tạo một thiết chế tương tự để chấp cánh cho phương thức hòa giải, vào tháng 5/2014, Chính phủ Hoa Kỳ đã đệ trình đề xuất lên Nhóm công tác II thuộc Ủy ban của Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL) về việc xây dựng một công ước đa phương thi hành thỏa thuận hòa giải. Sau nhiều năm đàm phán căng thẳng với sự tham gia của 85 quốc gia thành viên và 35 tổ chức phi chính phủ, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã chính thức thông qua dự thảo Công ước vào ngày 20/12/2018 tại Viên, Cộng hòa Áo (UNCITRAL, 2019).

Được đánh giá là sự khởi đầu của một “thời đại mới”, lễ mở ký Công ước tại Singapore vào ngày 07/08/2019 đã ghi nhận con số kỷ lục trong ngày đầu tiên của một hội nghị thương mại do Liên Hợp Quốc tổ chức, với 46 quốc gia tham gia ký kết (An Hạ, 2020). Danh sách này bao gồm các cường quốc định hình nền kinh tế thế giới như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, cùng hàng loạt quốc gia ASEAN như Brunei, Malaysia, Lào, Philippines và Singapore. Công ước chính thức có hiệu lực từ ngày 12/09/2020 sau khi được 6 quốc gia đầu tiên phê chuẩn, bao gồm: Belarus, Ecuador, Fiji, Qatar, Saudi Arabia và Singapore (Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, 2023). Tính đến thời điểm hiện tại, đã có 55 quốc gia ký kết, tạo ra một mạng lưới pháp lý đa phương vững chắc.

Trong suốt tiến trình đàm phán, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao Việt Nam đã tích cực tham gia với tư cách quan sát viên (Bộ Tư pháp, 2019). Đứng trước việc Công ước đã được triển khai hiệu lực rộng rãi tại chính khu vực ASEAN, việc Việt Nam nghiên cứu gia nhập không còn là vấn đề mang tính lý thuyết mà đã trở thành yêu cầu cấp bách nhằm duy trì sự cạnh tranh về môi trường đầu tư, pháp lý và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Thực trạng khuôn khổ pháp lý và sự phát triển của hòa giải thương mại tại Việt Nam

Khảo sát thực tiễn do Bộ Tư pháp thực hiện cho thấy, mức độ ưu tiên áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp của doanh nghiệp, cá nhân tại Việt Nam hiện nay lần lượt là: thương lượng (57,8%), Tòa án (46,8%), hòa giải (22,8%) và trọng tài (16,9%)⁴. Con số 22,8% lựa chọn hòa giải cho thấy dư địa phát triển của phương thức này là rất lớn, song doanh nghiệp vẫn còn e ngại bởi tính ràng buộc pháp lý của kết quả hòa giải truyền thống (Người Đưa Tin, 2026).

Tuy nhiên, với sự ra đời của Nghị định 22/2017/NĐ-CP (Nghị định 22) về hòa giải thương mại và Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015), Việt Nam đã bước đầu hình thành một khung pháp lý chuyên biệt, thể chế hóa các chủ trương của Đảng về khuyến khích cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án. Hệ thống pháp luật hiện hành đã phân định rõ rệt bản chất của hòa giải thương mại ngoài tòa án mang tính dân sự, dựa trên sự tự nguyện và được pháp luật bảo hộ thông qua thủ tục Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, tạo ra hiệu lực thi hành tương đương với bản án của Tòa án (Khoản 9 Điều 419 BLTTDS 2015) (Nguyễn Mạnh Dũng, 2024).

Sau gần một thập kỷ thực thi, hạ tầng giải quyết tranh chấp bằng hòa giải tại Việt Nam đã có những bước chuyển mình. Thống kê cho thấy cả nước hiện có 17 trung tâm hòa giải thương mại độc lập, cùng 8 trung tâm trọng tài có chức năng hòa giải (Người Đưa Tin, 2026). Điển hình, Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC) hiện quy tụ 72 hòa giải viên và đã thụ lý 42 vụ việc, trong đó có nhiều tranh chấp phức tạp, đòi hỏi kỹ năng chuyên môn sâu sắc. Dù vậy, lãnh đạo Cục Bổ trợ tư pháp (Bộ Tư pháp) cũng thẳng thắn thừa nhận chất lượng hòa giải viên chưa đồng đều, nguồn nhân lực xử lý tranh chấp quốc tế còn mỏng, và đặc biệt là hệ thống pháp luật nội địa chưa hoàn toàn đồng bộ với thông lệ quốc tế. Chính khoảng hở về tính đồng bộ này đòi hỏi một quá trình rà soát, đối chiếu nghiêm ngặt với Công ước Singapore.

3. Đánh giá mức độ tương thích giữa pháp luật Việt Nam và Công ước Singapore

Mục tiêu chính của Công ước Singapore là tạo ra cơ chế thi hành nhanh chóng, trực tiếp đối với các thỏa thuận giải quyết tranh chấp thương mại xuyên biên giới. Sự khác biệt triết lý lập pháp giữa hệ thống pháp luật quốc gia và Công ước được bộc lộ rõ nhất qua 3 khía cạnh: phạm vi áp dụng, yêu cầu hình thức chứng minh, và đặc biệt là các căn cứ để từ chối công nhận.

3.1. Phạm vi áp dụng và tiêu chí xác định tính quốc tế của MSA

Công ước Singapore thiết lập phạm vi áp dụng tại Điều 1.1 dựa trên tiêu chí địa điểm kinh doanh của các bên tranh chấp tại thời điểm ký kết thỏa thuận hòa giải (UNCITRAL, 2019). Công ước áp dụng đối với các MSA bằng văn bản phát sinh từ tranh chấp thương mại mang tính quốc tế, được xác định khi các bên có địa điểm kinh doanh ở các quốc gia khác nhau, hoặc quốc gia nơi thực hiện phần lớn nghĩa vụ theo MSA khác với quốc gia nơi các bên đặt địa điểm kinh doanh (Nguyễn Trung Nam, 2025). Công ước loại bỏ hoàn toàn việc xác định tính “nước ngoài” dựa trên địa điểm tiến hành thủ tục hòa giải, qua đó tôn trọng tính linh hoạt và bản chất không phụ thuộc vào lãnh thổ tổ tụng của hòa giải (Ngô Trọng Quân và Đỗ Thu Hương, 2023).

Trái lại, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chưa xây dựng tiêu chí xác định tính “quốc tế” của MSA dựa trên địa điểm kinh doanh của các bên tranh chấp. Quy định nội địa hiện tại tiếp cận phạm vi điều chỉnh theo hướng hẹp hơn, chủ yếu căn cứ vào tư cách pháp lý của tổ chức hoặc cá nhân tiến hành hòa giải (Ngô Trọng Quân và Đỗ Thu Hương, 2023). Cụ thể, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP chỉ điều chỉnh các MSA được thực hiện bởi hòa giải viên thương mại vụ việc hoặc tổ chức hòa giải thương mại được đăng ký hoạt động tại Việt Nam. Pháp luật Việt Nam hiện chưa có quy định điều chỉnh hay công nhận các MSA được lập bởi các trung tâm hòa giải nước ngoài hoặc tiến hành ngoài lãnh thổ Việt Nam, trừ khi thỏa thuận đó được chuyển hóa thành một phán quyết trọng tài theo thủ tục trọng tài hòa giải (Arb-Med-Arb) hoặc một bản án của Tòa án.

Hệ quả của độ vênh này là toàn bộ các thỏa thuận hòa giải thành được xác lập ở nước ngoài (ví dụ: một doanh nghiệp Việt Nam và đối tác châu Âu tiến hành hòa giải tại Anh theo quy tắc của CEDR) sẽ hoàn toàn nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của pháp luật Việt Nam hiện hành. Tòa án Việt Nam hiện chưa có hành lang pháp lý để tiếp nhận và thụ lý yêu cầu công nhận các thỏa thuận “xuyên biên giới” này, dẫn đến việc các thỏa thuận đó chỉ được coi là những hợp đồng dân sự thuần túy. Nếu đối tác không tự nguyện thi hành, doanh nghiệp sẽ phải trải qua con đường tố tụng dài hơi là khởi kiện yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng (Ngô Trọng Quân và Đỗ Thu Hương, 2023). Đây là một khoảng trống lập pháp vô cùng lớn, cản trở việc Việt Nam tận dụng lợi ích từ dòng chảy thương mại toàn cầu.

3.2. Yêu cầu về hình thức và thủ tục công nhận, cho thi hành

Nhằm tối ưu hóa khả năng thi hành của MSA, Điều 4.1 của Công ước Singapore quy định cơ chế cung cấp chứng cứ tối giản và linh hoạt (UNCITRAL, 2019). Bên yêu cầu thi hành chỉ cần nộp cho cơ quan có thẩm quyền MSA đã được các bên ký kết, kèm theo bằng chứng chứng minh MSA đó là kết quả

của thủ tục hòa giải. Bằng chứng này có thể là chữ ký của hòa giải viên trên MSA, văn bản xác nhận riêng do hòa giải viên hoặc trung tâm hòa giải cấp, hoặc bất kỳ chứng cứ nào khác được cơ quan thẩm quyền chấp nhận.

Đối chiếu với khung pháp lý trong nước, Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP bắt buộc văn bản về kết quả hòa giải thành phải có chữ ký trực tiếp của hòa giải viên thương mại. Quy định cứng nhắc này tạo ra rào cản kỹ thuật lớn đối với các quy chế hòa giải quốc tế, nơi hòa giải viên có thể chỉ ký vào văn bản xác nhận quy trình hòa giải hoàn tất thay vì ký trực tiếp vào hợp đồng hòa giải thành của các bên. Về mặt tố tụng, Chương XXXIII BLTTDS năm 2015 chỉ quy định thủ tục Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án đối với các vụ việc mang tính nội địa. Tòa án Việt Nam hiện hoàn toàn thiếu thẩm quyền tố tụng để thụ lý và xét công nhận một MSA xuyên biên giới được nộp trực tiếp theo cơ chế của Công ước.

3.3. Căn cứ từ chối công nhận và cho thi hành thỏa thuận hòa giải thành

Điều 5 của Công ước Singapore quy định danh mục các căn cứ từ chối công nhận và cho thi hành MSA, phân chia thành nhóm căn cứ do bên bị thi hành đề nghị (Điều 5.1) và nhóm căn cứ do Tòa án chủ động xem xét (Điều 5.2) (Nguyễn Trung Nam, 2025). So sánh với quy định tại Điều 417 BLTTDS năm 2015 và các văn bản liên quan cho thấy sự phân hóa rõ rệt về mức độ tương thích.

Về tính hiệu lực và khả năng thi hành của thỏa thuận, Điều 5.1.b của Công ước cho phép từ chối nếu MSA bị vô hiệu, không có hiệu lực hoặc không thể thực hiện được theo pháp luật áp dụng⁶. Việt Nam đạt được sự tương thích khá cao về mặt xem xét tính vô hiệu của giao dịch dân sự. Theo đó, các quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 417 BLTTDS năm 2015 về năng lực hành vi dân sự, sự tự nguyện, vi phạm điều cấm của luật hay trái đạo đức xã hội phản ánh tương đối đồng bộ các căn cứ vô hiệu giao dịch dân sự quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hoàn toàn chưa quy định việc từ chối công nhận khi MSA “không có khả năng thi hành” do các rào cản thực tế hoặc kỹ thuật pháp lý.

Về việc thực hiện nghĩa vụ và tính rõ ràng của thỏa thuận, Điều 5.1.c của Công ước cho phép từ chối công nhận nếu nghĩa vụ trong MSA đã được thực hiện xong, hoặc nội dung nghĩa vụ không rõ ràng, không thể hiểu được (UNCITRAL, 2019). Tổ tụng dân sự Việt Nam hiện chưa ghi nhận căn cứ từ chối công nhận đối với trường hợp nghĩa vụ đã chấm dứt hoặc văn bản hòa giải thành chứa đựng các điều khoản mơ hồ, không thể cưỡng chế thi hành (Ngô Trọng Quân và Đỗ Thu Hương, 2023).

Về chuẩn mực hành vi của hòa giải viên, Các Điều 5.1.e và 5.1.f của Công ước ghi nhận căn cứ từ chối nếu hòa giải viên vi phạm nghiêm trọng các tiêu chuẩn áp dụng cho hòa giải viên hoặc thủ tục hòa giải, hoặc không công khai các tình tiết ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan (UNCITRAL, 2019). Mặc dù Nghị định số 22/2017/NĐ-CP có quy định về nghĩa vụ và tiêu chuẩn của hòa giải viên (Bộ Tư pháp, 2023), BLTTDS năm 2015 lại thiếu vắng hoàn toàn chế định coi sai phạm tố tụng hoặc vi phạm đạo đức của hòa giải viên là căn cứ pháp lý để Tòa án từ chối công nhận MSA.

Về trật tự công cộng và tính có thể hòa giải của tranh chấp, Điều 5.2 của Công ước cho phép từ chối nếu việc công nhận MSA trái với chính sách công (trật tự công cộng) hoặc nội dung tranh chấp không thể giải quyết bằng hòa giải (UNCITRAL, 2019). Quy định này tương thích hoàn toàn với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam về bảo vệ lợi ích công cộng, an ninh quốc gia và các quy định loại trừ hòa giải đối với một số loại việc nhất định.

4. Khuyến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách cho Việt Nam

Để bảo đảm tính tương thích hoàn toàn và tối ưu hóa lợi ích khi gia nhập Công ước Singapore, Việt Nam cần thực hiện một lộ trình hoàn thiện pháp luật đồng bộ, kết hợp giữa cải cách lập pháp và nâng cao năng lực thể chế.

4.1. Định hướng sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật

Về mặt lập pháp lâu dài, Việt Nam cần hướng tới xây dựng và ban hành Luật Hòa giải thương mại để thay thế Nghị định số 22/2017/NĐ-CP (Bộ Tư pháp, 2023). Việc nâng cấp khung pháp lý lên cấp độ Luật sẽ tạo ra hiệu lực pháp lý mạnh mẽ, giải quyết triệt để các hạn chế hiện tại và đảm bảo sự đồng bộ với các luật chuyên ngành khác như Luật Trọng tài thương mại và Bộ luật Tố tụng Dân sự (Phan Hồng Hải, 2023).

Trước mắt, quá trình sửa đổi, bổ sung BLTTDS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn có thể tập trung vào các nội dung trọng tâm sau:

Đầu tiên là bổ sung một chương riêng trong BLTTDS năm 2015 quy định về thủ tục “Công nhận và cho thi hành thỏa thuận giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải mang tính quốc tế”. Chương này cần quy định rõ thẩm quyền thụ lý của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thời hạn xử lý, hồ sơ yêu cầu và trình tự xét đơn xin công nhận bám sát các điều khoản của Công ước Singapore.

Thứ hai là mở rộng phạm vi xác định MSA quốc tế và linh hoạt hóa quy định về chứng cứ. Cần luật hóa tiêu chí xác định tính quốc tế của MSA dựa trên địa điểm kinh doanh của các bên theo Điều 1.1 của Công ước (UNCITRAL, 2019). Đồng thời, sửa đổi quy định tại Nghị định số 22/2017/NĐ-CP để chấp nhận các hình thức chứng minh quy trình hòa giải đa dạng, không bắt buộc hòa giải viên phải ký trực tiếp vào MSA nếu đã có văn bản xác nhận từ trung tâm hòa giải.

Nội dung thứ ba là bổ sung các căn cứ từ chối công nhận MSA đồng bộ với Điều 5 của Công ước Singapore. Cần bổ sung các trường hợp từ chối công nhận khi MSA không có khả năng thi hành, nghĩa vụ đã được thực hiện, hoặc khi hòa giải viên vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực đạo đức và nghĩa vụ công khai xung đột lợi ích.

4.2. Giải pháp nâng cao năng lực thể chế và hạ tầng thực thi

Song song với việc hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, việc chuẩn bị các điều kiện thực thi đóng vai trò quyết định hiệu quả của Công ước.

Trước hết, Chính phủ cần giao Bộ Tư pháp đảm nhiệm vai trò cơ quan đầu mối quốc gia chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý thống nhất việc thực thi Công ước Singapore, tương tự như mô hình quản lý thực thi Công ước New York năm 19582. Cơ quan đầu mối sẽ chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu, hướng dẫn thực thi và phối hợp quốc tế trong lĩnh vực hòa giải.

Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân tối cao cần chủ động xây dựng các chương trình tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu cho lực lượng Thẩm phán về kỹ năng giải quyết các đơn yêu cầu công nhận MSA quốc tế (Bạch Quốc An, 2021). Việc nâng cao nhận thức tư pháp về bản chất của hòa giải và các thông lệ quốc tế sẽ giúp hạn chế tối đa việc áp dụng lạm dụng căn cứ “trật tự công cộng” để từ chối công nhận MSA bất hợp lý.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh nâng cao năng lực cho các trung tâm hòa giải thương mại và đội ngũ hòa giải viên trong nước. Nhà nước cần ban hành chính sách khuyến khích phát triển thị trường dịch vụ hòa giải, hỗ trợ đào tạo hòa giải viên theo chuẩn mực quốc tế, và tạo điều kiện cho các tổ chức hòa giải Việt Nam mở rộng hợp tác xuyên biên giới. Đồng thời, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cộng đồng doanh nghiệp cần được đẩy mạnh nhằm nâng cao thói quen sử dụng hòa giải như một phương thức giải quyết tranh chấp ưu tiên trong thương mại quốc tế.

5. Kết luận

Công ước Singapore về Hòa giải đã thiết lập cơ chế pháp lý quốc tế nhằm công nhận và cho thi hành các thỏa thuận hòa giải thành trong tranh chấp thương mại xuyên biên giới. Đối chiếu với các quy định hiện hành cho thấy, pháp luật Việt Nam đã hình thành những cơ sở pháp lý nhất định cho hòa giải thương mại, song vẫn còn một số điểm chưa tương thích với Công ước, tập trung ở phạm vi áp dụng, yêu cầu về hình thức, thủ tục công nhận và các căn cứ từ chối công nhận, cho thi hành thỏa thuận hòa giải thành.

Để chuẩn bị cho việc gia nhập và thực thi Công ước Singapore, Việt Nam cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện pháp luật theo hướng phù hợp với các chuẩn mực quốc tế; đồng thời nâng cao năng lực của cơ quan tư pháp, tổ chức hòa giải và đội ngũ hòa giải viên. Những giải pháp này sẽ góp phần tăng cường hiệu quả của cơ chế hòa giải thương mại và tạo cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho việc giải quyết các tranh chấp thương mại xuyên biên giới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tạ Đình Tuyên. (2019). Công ước Singapore về Hòa giải - Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế hiệu quả. Tạp chí Tòa án nhân dân. <https://tapchitoaan.vn/cong-uoc-cua-lien-hop-quoc-ve-thoa-thuan-giai-quyet-tranh-chap-thong-qua-hoa-giai-mot-phuong-thuc-giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-quoc-te-hieu-qua-cong-uoc-cua-lien-hop-quoc-ve-thoa-thuan-giai-quyet>

Ngô Trọng Quân và Đỗ Thu Hương. (2023). Công ước Singapore về hòa giải và khuyến nghị gia nhập cho Việt Nam. Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, (7), 68-75. http://admin.tapchikhxh.vass.gov.vn/upload/pdf/2023/11/29/10.ngo-trong-quan_29112023175623.pdf

United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL). (2019). United Nations Convention on International Settlement Agreements Resulting from Mediation (Singapore Convention on Mediation). https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/EN/Texts/UNCITRAL/Arbitration/mediation_convention_v1900316_eng.pdf

An Hạ. (2020). Công ước Singapore về Hòa giải thương mại quốc tế và khả năng tham gia của Việt Nam. Tạp chí Pháp lý. <https://phaply.net.vn/cong-uoc-singapore-ve-hoa-giai-thuong-mai-quoc-te-va-kha-nang-tham-gia-cong-uoc-cua-viet-nam-a236044.html>

Minh Minh. (2023). Hội thảo “Công ước Singapore: Kinh nghiệm quốc tế về việc gia nhập và bài học cho Việt Nam”. Tạp chí Dân chủ & Pháp luật. <https://danchuphapluat.vn/hoi-thao-cong-uoc-singapore-kinh-nghiem-quoc-te-ve-viec-gia-nhap-va-bai-hoc-cho-viet-nam-4841.html>

Bộ Tư pháp. (2019). Báo cáo số 169/BC-BTP ngày 27/6/2019 về kết quả nghiên cứu sơ bộ Công ước Liên hợp quốc về Thỏa thuận giải quyết tranh chấp quốc tế thông qua hòa giải.

Người Đưa Tin. (2026). Việt Nam nghiên cứu gia nhập Công ước Singapore, thúc đẩy hòa giải thương mại. <https://www.nguoiduatin.vn/viet-nam-nghien-cuu-gia-nhap-cong-uoc-singapore-thuc-day-hoa-giai-thuong-mai-204260528101844818.htm>

Nguyễn Mạnh Dũng. (2024). Hậu hoà giải thành: Tự nguyện và cưỡng chế thi hành. Vietnam Mediation Center. <https://vmc.org.vn/thu-tuc-hoa-giai/hau-hoa-giai-thanh-tu-nguyen-va-cuong-che-thi-hanh-a125.html>

Nguyễn Trung Nam. (2025). Đánh giá tính tương thích của pháp luật Việt Nam với Công ước Singapore về hòa giải. Vietnam Mediation Center. <https://vmc.org.vn/thu-tuc-hoa-giai/danh-gia-tinh-tuong-thich-cua-phap-luat-viet-nam-voi-cong-uoc-singapore-ve-hoa-giai-a139.html>

Bộ Tư pháp. (2023). Hệ thống pháp luật về hòa giải thương mại tại Việt Nam theo Mô hình Luật mẫu UNCITRAL. <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1949&l=Nghiencuutraodoi>

Phan Hồng Hải. (2023). Hòa giải thương mại theo Nghị định số 22/2017/NĐ-CP - Một số vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (395).

Bạch Quốc An. (2021). Đánh giá tác động gia nhập Công ước Liên Hợp quốc về thỏa thuận quốc tế giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải với Việt Nam. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, <https://danchuphapluat.vn/danh-gia-tac-dong-gia-nhap-cong-uoc-lien-hop-quoc-ve-thoa-thuan-quoc-te-giai-quyet-tranh-chap-thong-qua-hoa-giai-voi-viet-nam-1186.html>